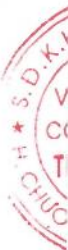


BẢN SAO

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG 1
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2017



Hà Nội, tháng 02 năm 2018

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	12

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thuốc thú y Trung ương 1 (Sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2017 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch bổ nhiệm ngày 27/10/2017
Bà Nguyễn Thị Hương	Chủ tịch từ ngày 13/05/2017 đến ngày 27/10/2017
Ông Lê Đức Liên	Chủ tịch miễn nhiệm ngày 13/05/2017
Bà Phạm Thị Thu Anh	Thành viên miễn nhiệm ngày 27/10/2017
Ông Đặng Văn Dũng	Thành viên miễn nhiệm ngày 27/10/2017
Ông Lê Văn Năm	Thành viên miễn nhiệm ngày 27/10/2017
Bà Nguyễn Thị Phương	Thành viên miễn nhiệm ngày 27/10/2017
Ông Trần Hồng Quỳnh	Thành viên miễn nhiệm ngày 27/10/2017
Ông Lê Anh Tuấn	Thành viên bổ nhiệm ngày 27/10/2017

Ban Giám đốc

Ông Lê Đức Liên	Giám đốc
Ông Lê Anh Tuấn	Miễn nhiệm ngày 01/01/2018
Ông Phạm Xuân Báo	Giám đốc Chi nhánh Đà Nẵng
Ông Lê Hữu Tuấn	Giám đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh

Ban kiểm soát

Ông Đặng Tiếp	Trưởng ban
Ông Nguyễn Cảnh Thanh	Thành viên miễn nhiệm ngày 27/10/2017
Bà Đinh Thị Xuân Phúc	Thành viên miễn nhiệm ngày 27/10/2017
Bà Hoàng Thị Sáng	Thành viên bổ nhiệm ngày 27/10/2017
Ông Trần Hồng Quỳnh	Thành viên bổ nhiệm ngày 27/10/2017

Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Thị Thu Hưng	Bổ nhiệm ngày 01/11/2017
	Miễn nhiệm ngày 01/01/2018
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Bổ nhiệm ngày 01/01/2018
Bà Nguyễn Thị Phương	Miễn nhiệm ngày 01/11/2017

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính, có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất hàng kỳ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.



Lê Đức Liên
Giám đốc
Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2018

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày: 04-04-2018

Số CT: 423 . Quyển số: 01 SCT/BS



CÔNG CHỨNG VIÊN
Trịnh Như Tô

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Thuốc thú y trung ương 1
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Thuốc thú y trung ương 1

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Thuốc thú y trung ương 1 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 28 tháng 02 năm 2018, từ trang 7 đến trang 39 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2017 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập, trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty.

Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Đến thời điểm kết thúc cuộc kiểm toán, chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ các thư xác nhận phải trả khách hàng, người mua trả tiền trước ngắn hạn, vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và dài hạn, phải trả ngắn hạn khác. Các thủ tục kiểm toán thay thế không đủ cơ sở để chúng tôi đưa ra ý kiến về số dư các khoản mục này trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017. Chi tiết như sau:

	Số liệu sổ sách	Số xác nhận	Tỷ lệ xác nhận
Tại Văn phòng Công ty			
Phải trả cho người bán	51.407.609.353	0	0%
Người mua trả trước	5.011.990.838	0	0%
Phải trả ngắn hạn khác	1.762.860.599	0	0%
Vay dài hạn	114.080.585.100	0	0%
Tại Chi nhánh Đà Nẵng			
Người mua trả tiền trước	530.069.150	0	0%
Phải trả ngắn hạn khác	158.520.933	0	0%
Tại Chi nhánh HCM			
Người mua trả tiền trước	30.756.336	0	0%
Phải trả ngắn hạn khác	3.148.821.832	0	0%
Vay ngắn hạn	720.000.000	0	0%

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thuốc thú y trung ương I tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Mặc dù không đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ, Chúng tôi muốn lưu ý người đọc một số vấn đề sau:

- Tại Thuyết minh số 16.1 Khoản lỗ sau thuế chưa phân phối lũy kế của Công ty đến ngày 31/12/2017 là 166.273.730.338 đồng đã vượt Vốn chủ sở hữu số tiền 79.863.035.706 đồng, và theo đánh giá của Ban lãnh đạo Công ty tại thuyết minh số 13 Công ty đang mất khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn, điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính của Công ty trình bày theo giả định hoạt động liên tục.
- Tại Thuyết minh số 17.1 Trong giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/10/2017 khoản lỗ của hai chi nhánh Hồ Chí Minh và Đà Nẵng lần lượt là 14.300.565.047 đồng và 4.193.724.409 đồng, và tại thuyết minh số 23 trong giai đoạn từ ngày 17/11/2017 đến ngày 31/12/2017 toàn bộ Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh của Chi nhánh Đà Nẵng là 597.814.546 đồng và Chi nhánh Hồ Chí Minh là 2.230.332.243 đồng chưa có phê duyệt của Chủ tịch HĐQT theo chỉ thị số 105-2017/NQ-HĐQT ban hành ngày 17/11/2017, toàn bộ chứng từ kế toán trong giai đoạn từ ngày 17/11/2017 đến ngày 31/12/2017 chưa có chữ ký của Kế toán trưởng và Giám đốc của hai chi nhánh. Trong các giai đoạn này có sự bàn giao giữa Ban lãnh đạo các Chi nhánh, Ban lãnh đạo cũ không báo cáo cho Ban lãnh đạo mới về các chi phí phát sinh dẫn đến các khoản lỗ này. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016 của Công ty Cổ phần Thuốc thú y trung ương 1 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM với ý kiến kiểm toán ngoại trừ.



Nguyễn Minh Long
Phó Tổng Giám đốc
Giấy ĐKHN Kiểm toán số 0666-2018-112-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2018

Mai Việt Hùng
Kiểm toán viên
Giấy ĐKHN Kiểm toán số 2334-2018-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

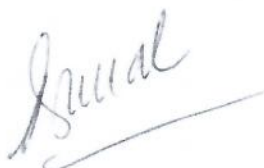
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		42.548.240.546	91.302.786.794
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	11.902.612.784	8.523.439.449
Tiền	111		11.902.612.784	8.523.439.449
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		12.294.591.217	45.524.782.593
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	12.185.997.275	21.882.059.451
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	2.701.642.144	5.486.457.708
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	5.314.260.121	18.135.548.227
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7, 8, 9	(7.907.308.323)	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	20.717.207
Hàng tồn kho	140		17.885.781.612	34.984.594.575
Hàng tồn kho	141	6	18.557.902.080	34.984.594.575
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(672.120.468)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		465.254.933	2.269.970.177
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5	12.939.431	781.028.653
Thuế GTGT được khấu trừ	152		452.315.502	1.422.571.402
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	13	-	66.370.122
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		124.213.777.156	130.692.057.600
Các khoản phải thu dài hạn	210		139.965.000	-
Phải thu dài hạn khác	216	9	139.965.000	-
Tài sản cố định	220		119.960.856.948	125.033.175.186
Tài sản cố định hữu hình	221	10	118.431.521.571	123.180.253.186
- Nguyên giá	222		152.613.217.497	151.827.730.367
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(34.181.695.926)	(28.647.477.181)
Tài sản cố định vô hình	227		1.529.335.377	1.852.922.000
- Nguyên giá	228		1.588.835.377	1.912.422.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(59.500.000)	(59.500.000)
Đầu tư tài chính dài hạn	250	11	1.809.802.015	3.786.340.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		3.786.340.000	3.786.340.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.976.537.985)	-
Tài sản dài hạn khác	260		2.303.153.193	1.872.542.414
Chi phí trả trước dài hạn	261	5	2.303.153.193	1.872.542.414
TỔNG TÀI SẢN	270		166.762.017.702	221.994.844.394

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017


NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		246.625.053.408	259.202.806.576
Nợ ngắn hạn	310		123.048.613.301	153.616.595.199
Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	53.891.500.728	79.470.500.598
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		5.593.599.109	4.593.811.704
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	4.264.960.794	2.076.360.108
Phải trả người lao động	314		3.698.621.966	3.007.947.641
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	4.279.878.840	8.931.227.950
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		120.000.000	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	6.349.661.935	7.591.716.273
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	14	44.649.855.330	47.944.496.326
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		200.534.599	534.599
Nợ dài hạn	330		123.576.440.107	105.586.211.377
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	14	123.576.440.107	105.586.211.377
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(79.863.035.706)	(37.207.962.182)
Vốn chủ sở hữu	410	17	(79.863.035.706)	(37.207.962.182)
Vốn góp của chủ sở hữu	411		82.500.000.000	82.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		82.500.000.000	82.500.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		278.962.752	278.962.752
Cổ phiếu quỹ	415		(130.000)	(130.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		3.631.861.880	3.631.861.880
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(166.273.730.338)	(123.618.656.814)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(115.544.629.513)	(118.101.878.426)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(50.729.100.825)	(5.516.778.388)
TỔNG NGUỒN VỐN	440		166.762.017.702	221.994.844.394

Người lập biểu



Nguyễn Thị Phượng

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thu Hà

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2018



Lê Đức Liên

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	177.171.361.956	263.413.656.453
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	19	846.132.026	3.305.797.883
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		176.325.229.930	260.107.858.570
Giá vốn hàng bán	11	20	127.576.587.548	194.039.515.216
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		48.748.642.382	66.068.343.354
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	314.424.607	497.690.833
Chi phí tài chính	22	22	23.675.068.063	12.691.519.329
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		21.657.847.540	9.209.072.871
Chi phí bán hàng	25	23	36.130.897.563	45.000.638.859
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	31.815.664.877	37.551.467.082
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(42.558.563.514)	(28.677.591.083)
Thu nhập khác	31	24	6.301.675.381	279.957.364
Chi phí khác	32	25	4.783.417.824	1.367.125.295
Lợi nhuận khác	40		1.518.257.557	(1.087.167.931)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(41.040.305.957)	(29.764.759.014)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		1.414.767.567	444.016.248
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(42.455.073.524)	(30.208.775.262)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		(5.146)	(3.662)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-

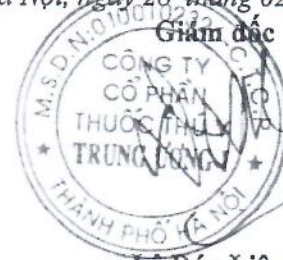
Người lập biểu

Nguyễn Thị Phượng

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hà

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2018



Lê Đức Liên

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2017	Năm 2016
		VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	(41.040.305.957)	(29.764.759.014)
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	7.178.866.094	6.939.397.984
Các khoản dự phòng	03	10.555.966.776	-
(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(72.155.973)	24.647.463
(Lãi) hoạt động đầu tư	05	(6.541.433.198)	(497.690.833)
Chi phí lãi vay	06	21.657.847.540	9.209.072.871
Các điều chỉnh khác	07	-	5.072.762.140
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(8.261.214.718)	(9.016.569.389)
(Tăng) Giảm các khoản phải thu	09	(2.773.872.254)	(3.344.828.479)
Giảm hàng tồn kho	10	16.426.692.495	30.877.339.592
Giảm (Tăng) các khoản phải trả	11	33.378.951.035	(28.550.100.203)
(Tăng) Giảm chi phí trả trước	12	(553.368.220)	5.495.593.128
Tiền lãi vay đã trả	14	(7.677.243.515)	(4.454.365.388)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.067.307.644)	(1.135.164.116)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	29.317.002.952	49.705.897.998
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(58.157.405.987)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh	20	632.234.144	39.577.803.143
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(702.595.664)	(347.649.400)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	6.300.000.000	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24	-	5.000.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	241.433.198	36.050.486
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	5.838.837.534	4.688.401.086

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

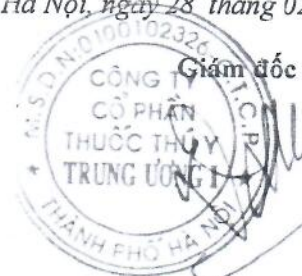
Chỉ tiêu	Mã Thuyết số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		124.542.906.344	124.454.601.884
Tiền trả nợ gốc vay	34		(127.706.960.660)	(163.191.893.959)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(5.643.979.355)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(3.164.054.316)</i>	<i>(44.381.271.430)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm				
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	8.523.439.449	8.663.154.113
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		72.155.973	(24.647.463)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	11.902.612.784	8.523.439.449

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Thị Phượng

Nguyễn Thị Thu Hà

Lê Đức Liên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Thuốc thú y trung ương 1 là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển từ Doanh nghiệp nhà nước thành Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần lần đầu số 0100102326 ngày 7/6/2000, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 06/11/2017 do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội cấp

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 88, đường Trường Chinh, phường Phương Mai, Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Công ty có các Văn phòng trực thuộc sau:

- Văn phòng Công ty Cổ phần Thuốc thú y trung ương 1;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Thuốc thú y trung ương 1 tại Đà Nẵng;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Thuốc thú y trung ương 1 tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có 1 Công ty con sở hữu 100% vốn là Công ty TNHH Thuốc thú y trung ương 1, địa chỉ tại: Xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty là 82.500.000.000 đồng (*Bằng chữ: Tám mươi hai tỷ năm trăm triệu đồng./.*), được chia thành 8.250.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Ngành nghề kinh doanh theo đăng ký của Công ty bao gồm:

- Sản xuất, gia công thuốc thú y thủy sản
- Sản xuất, gia công thuốc thú y
- Khai thác thủy sản biển
- Khai thác thủy sản nội địa
- Nuôi trồng thủy sản biển
- Nuôi trồng thủy sản nội địa
- Sản xuất giống thủy sản
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Kinh doanh thực phẩm chức năng
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ chở xuống)
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh
- Bán buôn đồ uống
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng chuyên doanh
- Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản
- Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản
- Lữ hành nội địa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.2. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH (TIẾP)

- Kinh doanh khách sạn (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)
- Cho thuê văn phòng
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa
- Dịch vụ thương mại
- Nghiên cứu đưa tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất kinh doanh thuốc thú y và vật tư thú y (Có chứng chỉ hành nghề thuốc thú y số 22/TY-CCHN ngày 19/5/2000 của Cục thú y cấp cho ông Lê Văn Năm - Thành viên HĐQT Công ty)
- Hoạt động thủy sản
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh
- Các dịch vụ phục vụ khách du lịch (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)
- Kinh doanh nhà hàng (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)
- Xuất nhập khẩu và kinh doanh thuốc và vật tư thú y.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong kỳ là:

- Xuất nhập khẩu và kinh doanh thuốc và vật tư thú y;
- Cho thuê kho, mặt bằng kinh doanh

1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của Công ty dưới 12 tháng, Công ty chủ yếu sản xuất các sản phẩm trong tháng tính giá thành vào cuối tháng.

1.4 CẤU TRÚC TẬP ĐOÀN

Tên Công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Thuốc Thú y Trung ương 1	Xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	100%	100%

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ KỲ KẾ TOÁN

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam (Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi thông tư 200) và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ KỶ KẾ TOÁN (TIẾP)

2.2 CƠ SỞ HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương 1 (Công ty mẹ) và Công ty TNHH Thuốc Thú y Trung ương 1 (Công ty con). Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của Công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của Công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các Công ty trong Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

2.3 KỶ KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.3 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Các khoản phải thu được trình bày theo giá gốc và dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

3.4 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

3.5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho tài sản cố định hữu hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 35
- Máy móc, thiết bị	05 - 10
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 12
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 15

3.6 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị còn lại của những công cụ, dụng cụ không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai với thời gian sử dụng trên một năm. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời không quá 3 năm. Các chi phí đã chi trước cho hoạt động kinh doanh nhưng liên quan đến việc tạo ra doanh thu của nhiều năm tại chính Công ty ghi nhận là các khoản chi phí trả trước và tiến hành phân bổ tương ứng với số năm khai thác được doanh thu.

3.7 NỢ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hoá, dịch vụ;
- Phải trả khác bao gồm các khoản phải trả không mang tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán hàng hoá, dịch vụ.

3.8 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua; Công ty có thể thu được lợi ích kinh tế đồng thời có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.9 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Tại Văn phòng Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương 1:

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất cố hiệu lực được áp dụng là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Tại Công ty TNHH Thuốc Thú y Trung ương 1:

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 05101000564 do UBND tỉnh Hưng Yên chứng nhận lần đầu ngày 19/02/2013, Công ty đang được ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp. Theo đó, Công ty được hưởng ưu đãi như sau:

- Miễn thuế TNDN trong 2 năm (năm 2012 và năm 2013);
- Được giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong năm tiếp theo (từ năm 2014 đến năm 2018);

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.10 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, các bên liên quan của Công ty là bao gồm các cổ đông góp vốn, các thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty. Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan phát sinh trong kỳ được Công ty trình bày tại thuyết minh dưới đây.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	3.957.992.117	5.125.305.131
- Công ty Cổ phần Thuốc thú y trung ương 1	28.217.491	12.148.594
- Chi nhánh CTCP Thuốc thú y TW 1 tại Đà Nẵng	79.868.108	16.551.582
- Chi nhánh CTCP Thuốc thú y TW 1 tại HCM	323.608.757	2.721.981.010
- Công ty TNHH Thuốc Thú y Trung ương 1	3.526.297.761	2.374.623.945
Tiền gửi ngân hàng	7.944.620.667	3.398.134.318
- Công ty Cổ phần Thuốc thú y trung ương 1	1.006.374.569	2.489.124.034
- Chi nhánh CTCP Thuốc thú y TW 1 tại Đà Nẵng	79.392.530	25.597.185
- Chi nhánh CTCP Thuốc thú y TW 1 tại HCM	3.900.083.520	494.375.035
- Công ty TNHH Thuốc Thú y Trung ương 1	2.958.770.048	389.038.064
	11.902.612.784	8.523.439.449

5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn	12.939.431	781.028.653
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	12.939.431	781.028.653
Dài hạn	2.303.153.193	1.872.542.414
Chi phí trả trước dài hạn khác	2.303.153.193	1.872.542.414
	2.316.092.624	2.653.571.067

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	9.223.195.913	-	11.760.544.800	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	1.204.330.902	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	2.109.301.995	-
Thành phẩm	5.282.347.992	(88.837.546)	9.872.734.258	-
Hàng hóa	3.432.209.975	(37.580.287)	10.037.682.620	-
Hàng gửi bán	620.148.200	(545.702.635)	-	-
	18.557.902.080	(672.120.468)	34.984.594.575	-

(*) Dự phòng hàng hóa Chi nhánh Đà Nẵng: 11.178.625 đồng, Chi nhánh Hồ Chí Minh: 26.401.662 đồng, thành phẩm tại Công ty TNHH Thuốc thú y TW1: 88.837.546 những hàng hóa tại thời điểm kiểm toán đã hết hạn sử dụng. Dự phòng hàng gửi bán: 545.702.635 đồng là Hàng hóa do hàng Ông Lê Xuân Hà – Phó Giám đốc Chi nhánh Đà Nẵng mang hàng đi bán nhưng chưa xuất hóa đơn. tại thời điểm kiểm toán đã hết hạn sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG 1

Số 88, đường Trường Chinh, phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	12.185.997.275	(3.997.955.442)	21.882.059.451	-
<i>Công ty Cổ phần Thuốc thú y Trung ương 1</i>	2.712.167.835	(1.414.096.804)	9.727.830.111	-
- Công ty Cổ phần Chăn nuôi C.P Việt Nam	682.500.000	-	6.738.661.125	-
- Công ty Cổ phần Chăn nuôi C.P Việt Nam-Chi nhánh Xuân Mai	300.300.000	-	204.750.000	-
- Công ty CP Giống Vật nuôi & Cây trồng Đồng Giao	112.893.093	-	66.150.000	-
- Các đối tượng khác	1.616.474.742	(1.414.096.804)	2.718.268.986	-
<i>Chi nhánh Công ty CP Thuốc thú y Trung ương 1 tại Đà Nẵng</i>	1.758.945.063	(966.672.120)	2.190.841.327	-
- Công ty Cổ phần Thú y và Thủy sản Phúc An Thy	11.582.785	-	186.410.327	-
- Đại lý thuốc thú y Tuấn Hạnh	367.040.687	-	363.360.125	-
- Đại lý thuốc thú y Khương Hoa	285.869.608	(106.312.505)	276.371.637	-
- Các đối tượng khác	1.106.034.768	(860.359.615)	1.364.699.238	-
<i>Chi nhánh CTCP Thuốc thú y Trung ương 1 tại Hồ Chí Minh</i>	3.238.685.255	(752.212.784)	3.385.675.272	-
- Chi Cục Chăn nuôi và Thú Y Tỉnh Bến Tre	668.770.500	-	178.500.000	-
- Chi cục thú y Thành phố Cần Thơ	250.000.000	-	476.617.500	-
- Các đối tượng khác	2.319.914.755	(752.212.784)	2.730.557.772	-
<i>Công ty TNHH Thuốc Thú y Trung ương 1</i>	4.476.199.122	(864.973.734)	6.574.153.389	-
- Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương 1 Hà Nội	-	-	2.086.713.543	-
- Công ty TNHH Một thành viên Ngọc Hà	730.696.026	-	791.162.311	-
- Các đối tượng khác	3.745.503.096	(864.973.734)	3.696.277.535	-
<i>Điều chỉnh khác</i>	-	-	3.559.352	-
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	12.185.997.275	(3.997.955.442)	21.882.059.451	-

Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG 1

Số 88, đường Trường Chinh, phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Thuốc thú y trung ương 1	2.701.642.144	(33.319.000)	5.486.457.708	-
- Guangdong Dahuanong Animal health., Ltd	2.636.969.776	-	5.250.832.523	-
- Công ty CP Đầu tư và xây dựng Phương Huyền	1.736.243.388	-	1.736.243.388	-
- Công ty CP Công Nghệ Hoàng Hải	549.354.252	-	1.545.649.000	-
- Qinhuangdao Lihua Starch Co.,Ltd	-	-	1.190.000.000	-
- FGBI "ARRIAH"	221.371.252	-	344.250.000	-
- Công ty TNHH Nuôi trồng & CB Thủy sản Liên Phong	-	-	221.371.252	-
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Thương mại Ao Sen	130.000.000	-	50.000.000	-
- Công ty CP Kiến Trúc Xây Dựng Môi Trường Hà Nội	-	-	50.000.000	-
- Công ty CP quảng cáo và in Phương Linh	-	-	27.000.000	-
- Các đối tượng khác	884	-	85.987.000	-
Chi nhánh CTCP Thuốc thú y TW 1 tại Đà Nẵng	-	-	331.883	-
Chi nhánh CTCP Thuốc thú y TW 1 tại HCM	4.228.160	-	-	-
Công ty TNHH Thuốc Thú y Trung ương 1	60.444.208	(33.319.000)	13.091.184	-
- Công ty Cổ phần Thành Nhơn	27.125.208	-	222.534.001	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Đầu tư Xây dựng Đông Thịnh	33.319.000	(33.319.000)	33.319.000	-
- Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị và Công nghiệp 11	-	-	19.965.000	-
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Đức Sơn	-	-	137.500.000	-
- Các đối tượng khác	-	-	31.750.001	-
	2.701.642.144	(33.319.000)	5.486.457.708	-

Trả trước cho người bán là các bên liên quan

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG 1

Số 88, đường Trường Chinh, phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

9. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	5.314.260.121	(3.876.033.881)	18.135.548.227	-
Công ty Cổ phần Thuốc thú y trung ương 1	3.710.881.040	(3.275.503.413)	10.929.267.209	-
- Tạm ứng cho nhân viên	301.042.546	(93.616.148)	7.547.577.016	-
- Ký cược, ký quỹ	71.360.000	-	2.540.000.000	-
- Ông Lê Đức Liên	139.317.396	-	764.890.498	-
- Phải thu khác	3.199.161.098	(3.181.887.265)	76.799.695	-
Chi nhánh Công ty CP Thuốc thú y trung ương 1 tại HCM	1.251.711.306	(497.581.000)	3.279.275.119	-
- Tạm ứng cho nhân viên	470.147.824	-	2.104.531.483	-
- Ký cược, ký quỹ	264.600.000	-	-	-
- Các đối tượng khác	516.963.482	(497.581.000)	1.174.743.636	-
+ Ông Lê Đức Hùng	472.000.000	(472.000.000)	472.000.000	-
+ Các đối tượng khác	44.963.482	(25.581.000)	702.743.636	-
Chi nhánh Công ty CP Thuốc thú y trung ương 1 tại Đà Nẵng	138.346.175	(86.162.093)	1.982.592.837	-
- Tạm ứng cho nhân viên	124.050.069	(86.162.093)	1.964.795.123	-
- Các đối tượng khác	14.296.106	-	17.797.714	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG 1

Số 88, đường Trường Chinh, phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

9. PHẢI THU KHÁC (TIẾP)

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH Thuốc Thú y Trung ương 1	213.321.600	(16.787.375)	1.944.413.062	-
- Tạm ứng cho nhân viên	35.689.090	-	1.825.461.467	-
- Các khoản chi hộ BHXH	86.378.600	-	118.951.595	-
- Phải thu thuế TNCN lãi vay đã trả	4.653.350	-	-	-
- Bảo hiểm xã hội	50.497.555	-	-	-
- Bảo hiểm y tế	11.493.628	-	-	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	7.822.002	-	-	-
- Phải thu ông Hồ Kim Anh	16.787.375	(16.787.375)	-	-
Dài hạn	139.965.000	-	-	-
Chi nhánh Công ty CP Thuốc thú y trung ương 1 tại HCM	120.000.000	-	-	-
- Ký cược, ký quỹ	120.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Thuốc Thú y Trung ương 1	19.965.000	-	-	-
- Ký cược, ký quỹ	19.965.000	-	-	-
	5.454.225.121	(3.876.033.881)	18.135.548.227	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG 1

Số 88, đường Trường Chinh, phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2017	113.697.391.031	26.680.272.351	6.532.838.377	4.917.228.608	151.827.730.367
- Mua trong kỳ	121.027.500	159.220.000	-	-	280.247.500
- Cải tạo, sửa chữa	3.115.168.518	-	-	-	3.115.168.518
- Thanh lý, nhượng bán	(252.600.157)	-	(687.020.171)	-	(939.620.328)
- Giảm khác	(1.655.538.560)	-	(14.770.000)	-	(1.670.308.560)
31/12/2017	115.025.448.332	26.839.492.351	5.831.048.206	4.917.228.608	152.613.217.497
HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2017	(12.411.006.553)	(10.014.275.310)	(4.516.431.044)	(1.705.764.274)	(28.647.477.181)
- Khấu hao trong kỳ	(3.720.976.105)	(2.169.110.948)	(716.926.760)	(571.852.281)	(7.178.866.094)
- Tăng khác	(240.916.647)	(96.195.436)	-	-	(337.112.083)
- Thanh lý, nhượng bán	18.201.377	-	687.020.171	-	705.221.548
- Giảm khác	1.020.851.237	240.916.647	14.770.000	-	1.276.537.884
31/12/2017	(15.333.846.691)	(12.038.665.047)	(4.531.567.633)	(2.277.616.555)	(34.181.695.926)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2017	101.286.384.478	16.665.997.041	2.016.407.333	3.211.464.334	123.180.253.186
31/12/2017	99.691.601.641	14.800.827.304	1.299.480.573	2.639.612.053	118.431.521.571

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG 1

Số 88, đường Trường Chinh, phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	31/12/2017				01/01/2017	
	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào đơn vị khác		3.786.340.000	1.809.802.015	(1.976.537.985)	3.786.340.000	3.786.340.000
Công ty Cổ phần Giống gia cầm Lương Mỹ	1,58%	866.640.000	122.300.860	(744.339.140)	866.640.000	866.640.000
Công ty TNHH Kyoto Bken Hà Nội	1%	2.919.700.000	1.687.501.155	(1.232.198.845)	2.919.700.000	2.919.700.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG I

Số 88, đường Trường Chinh, phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn	53.891.500.728	-	79.470.500.598	79.470.500.598
<i>Công ty Cổ phần Thuốc thú y trung ương I</i>	51.407.609.353	-	74.256.133.346	74.256.133.346
- Guangdong Wens Dahuanong Biotechnology Co.,LTD	19.523.362.960	-	42.693.705.100	42.693.705.100
- Zhaoqing Dahuanong Biology Medicine Co, LTD	19.882.751.474	-	20.385.534.224	20.385.534.224
- Công ty Cổ Phần Thành Nhơn	2.179.827.064	-	479.873.132	479.873.132
- Công ty CP sản xuất & TM Thái Sơn	2.154.287.641	-	4.552.070.729	4.552.070.729
- Công ty hữu hạn thiết kế công trình Nam Ninh - CNN TQ	1.775.873.364	-	1.781.731.755	1.781.731.755
- DNTN xí nghiệp Quốc Anh	745.887.800	-	622.321.610	622.321.610
- Công ty TNHH Đầu tư phát triển Hải Đăng	615.951.336	-	-	-
- Công ty TNHH Đầu tư Hải Kim Long	525.635.015	-	332.726.250	332.726.250
- Công ty Cổ phần Xây Dựng Công Nghiệp	456.395.395	-	456.395.395	456.395.395
- Các đối tượng khác	3.547.637.304	-	2.951.775.151	2.951.775.151
<i>Chi nhánh Công ty CP Thuốc thú y trung ương I tại Đà Nẵng</i>	33.167.000	-	4.200.001	4.200.001
- Các đối tượng khác	33.167.000	-	4.200.001	4.200.001
<i>Công ty TNHH Thuốc thú y trung ương I</i>	2.450.724.375	-	5.210.167.251	5.210.167.251
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Hồng Anh	21.820.150	-	1.052.270.970	1.052.270.970
- Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Linh	81.683.415	-	785.966.060	785.966.060
- Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương I Hà Nội	906.558.169	-	-	-
- Các đối tượng khác	1.440.662.641	-	3.371.930.221	3.371.930.221
Dài hạn	-	-	-	-
	53.891.500.728	-	79.470.500.598	79.470.500.598

(*) Tại thời điểm 31/12/2017, Công ty đang không có khả năng trả các khoản nợ đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG 1

Số 88, đường Trường Chinh, phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	01/01/2017		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		31/12/2017	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải thu/phải nộp								
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	397.918.308	13.546.583.978	13.427.030.674	517.471.612				
- Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	(22.353.874)	1.414.767.567	1.067.307.644	325.106.049				
- Thuế thu nhập cá nhân	1.634.425.552	2.414.462.094	626.504.513	3.422.383.133				
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	637.193.122	637.193.122	-				
- Thuế môn bài	-	6.000.000	6.000.000	-				
- Các loại thuế khác	-	38.075.869	38.075.869	-				
	2.009.989.986	18.057.082.630	15.802.111.822	4.264.960.794				

(*) Trong đó, số thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa tại ngày 01/01/2017 của Văn phòng Công ty là 66.370.122 đồng và của Công ty TNHH Thuộc Thú y Trung ương 1 nộp thiếu là 44.016.248 đồng.

Thuế thu nhập doanh nghiệp tại Văn phòng Công ty đã được quyết toán đến hết năm tài chính 2014, tại Chi nhánh Hồ Chí Minh quyết toán đến hết năm tài chính 2014, tại Chi nhánh Đà Nẵng chưa quyết toán từ khi thành lập. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho các năm tài chính chưa quyết toán thuế tính đến năm 2017 được xác định tùy thuộc vào cơ quan thuế quyết toán nên kết quả lỗ phát sinh thêm vẫn còn tiềm ẩn rủi ro.

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG 1

Số 88, đường Trường Chinh, phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

TTHUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

14. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Nội dung	31/12/2017		01/01/2017			
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm		
	VND	VND	VND	VND		
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	44.649.855.330	-	97.510.779.664	100.805.420.660	47.944.496.326	47.944.496.326
<i>Vay ngắn hạn</i>	<i>36.510.551.010</i>	-	<i>89.371.475.344</i>	<i>92.666.116.340</i>	<i>39.805.192.006</i>	<i>39.805.192.006</i>
- Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam-Chi nhánh Hà Nội (1)	34.790.551.010	-	79.371.475.344	84.386.116.340	39.805.192.006	39.805.192.006
- Vay các cá nhân (3)	1.720.000.000	-	10.000.000.000	8.280.000.000	-	-
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>8.139.304.320</i>	-	<i>8.139.304.320</i>	<i>8.139.304.320</i>	<i>8.139.304.320</i>	<i>8.139.304.320</i>
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thăng Long (2)	8.139.304.320	-	8.139.304.320	8.139.304.320	8.139.304.320	8.139.304.320
Vay dài hạn	123.576.440.107	-	62.736.863.750	44.746.635.020	105.586.211.377	105.586.211.377
- Vay các cá nhân (3)	114.080.585.100	-	62.736.863.750	36.607.330.700	87.951.052.050	87.951.052.050
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thăng Long (2)	9.495.855.007	-	-	8.139.304.320	17.635.159.327	17.635.159.327
	168.226.295.437	-	160.247.643.414	145.552.055.680	153.530.707.703	153.530.707.703

(*) Tại thời điểm 31/12/2017, Công ty đang không có khả năng trả các khoản vay đến hạn.

(1) Khoản vay ngắn hạn với Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam-Chi nhánh Hà Nội theo các hợp đồng tín dụng: Hợp đồng tín dụng 1500LAV201700689 ngày 13/07/2017, Hợp đồng tín dụng 1500LAV201605603 ngày 24/04/2016, Hợp đồng tín dụng 1500LAV201702109 ngày 27/04/2017, Hợp đồng tín dụng 1500LAV201607159 ngày 27/12/2016, Hợp đồng tín dụng 1500LAV201702109 ngày 22/11/2017 với các điều khoản:
Hạn mức tín dụng: Quy định theo từng hợp đồng tín dụng;

Mục đích vay: Nhập khẩu Vắc xin, mua nguyên liệu sản xuất thuốc thú y;

Lãi suất: 7,5%/năm;

Các tài sản đảm bảo: Quyền khai thác tài sản theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 985734, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: 344 do sở TNMT Hà Nội cấp ngày 17/06/2011 tại địa chỉ 88 Trường Chinh, Đống Đa, Hà Nội; Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất tại địa chỉ: Tổ 4 - Giáp Nhất, Phường Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội; Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ: Căn hộ 705, Tòa nhà G03 - Khu Đô thị Nam Thăng Long, Tây Hồ, Hà Nội; Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 980007, AG 980248, AI.237251, AK 280034 do Thành phố Đà Nẵng Cấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

14. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

(2) Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên phong - Chi nhánh Thăng Long theo hợp đồng số 206-12.14/HĐTD/TPBANK.PHG với các nội dung sau:

- Số tiền vay: 40.000.000.000 đồng (40 tỷ đồng) trong đó 25 tỷ đồng được đảm bảo bằng toàn bộ nhà xưởng, máy móc thiết bị của nhà máy sản xuất thuốc thú y, phần còn lại được đảm bảo bằng tài sản đảm bảo là bất động sản, giấy tờ có giá của Công ty hoặc bên thứ ba được Ngân hàng chấp nhận;
- Thời hạn vay: 60 tháng từ 13/02/2015 đến 13/02/2020;
- Mục đích vay: Đầu tư tài sản cố định, mua lại nhà máy sản xuất thuốc thú y tại Văn Lâm, Hưng Yên;
- Lãi suất theo từng khế ước nhận nợ.

(3) Vay các cá nhân với lãi suất vay là 12%/năm, không có tài sản đảm bảo, hồ sơ vay chỉ có hợp đồng có chữ ký của Giám đốc Công ty ký.

	31/12/2017
	VND
Vay cá nhân quá hạn chưa thanh toán	92.637.890.100
	<u>92.637.890.100</u>

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn	4.279.878.840	8.931.227.950
- Trích trước chi phí chiết khấu thương mại	1.293.538.413	-
- Chi phí lãi vay	1.057.851.870	6.365.747.950
- Chi phí trích trước	1.928.488.557	2.565.480.000
Dài hạn	-	-
	<u>4.279.878.840</u>	<u>8.931.227.950</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn	6.349.661.935	7.591.716.273
- Tài sản thừa chờ giải quyết	-	2.928.845.256
- Kinh phí công đoàn	132.710.795	28.328.315
- Bảo hiểm xã hội	463.538.108	1.704.001.767
- Bảo hiểm y tế	97.418.749	30.013.704
- Bảo hiểm thất nghiệp	16.861.432	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.639.132.851	2.900.527.231
<i>Tại Văn phòng Công ty</i>	<i>2.153.072.599</i>	<i>2.312.058.346</i>
<i>Dư Có TK338</i>	<i>1.762.860.599</i>	<i>1.251.546.791</i>
+ Chênh lệch thuế	1.079.664.913	1.079.664.913
+ Chênh lệch kiểm kê	-	171.881.878
+ Các đối tượng khác	683.195.686	-
<i>Dư Có TK138</i>	<i>390.212.000</i>	<i>1.060.511.555</i>
+ Tiền khấu trừ thuế TNCN của khách lẻ	390.212.000	401.412.000
+ Công ty CP Thuốc thú y TW NAVETCO	-	27.551.475
+ Đặt cọc thuê ki ốt 88 Trường Chinh	-	123.000.000
+ Thu tiền bán cổ phần	-	501.020.000
+ Vốn Nhà nước chờ xử lý	-	7.528.080
<i>Tại Chi nhánh Đà Nẵng</i>	<i>112.296.933</i>	<i>132.030.000</i>
+ Chi cục chăn nuôi và thú y Quảng Nam	81.000.000	81.000.000
+ Chi cục chăn nuôi và thú y Đà Nẵng	31.296.933	51.030.000
<i>Tại Chi nhánh TP Hồ Chí Minh</i>	<i>3.139.865.632</i>	<i>456.438.885</i>
+ Chi cục thú y TP. Hồ Chí Minh	-	260.000.000
+ Khoản phải trả phải nộp khác	3.139.865.632	196.438.885
<i>Tại Công ty TNHH Thuốc Thú y Trung ương 1</i>	<i>233.897.687</i>	<i>-</i>
+ Khoản phải trả phải nộp khác	233.897.687	-
Dài hạn	-	-
	6.349.661.935	7.591.716.273

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Vốn khác của chủ sở hữu		Cổ phiếu quỹ		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2016	82.500.000.000	278.962.752	-	-	(130.000)	4.429.855.423	-	-	(340.574.046)	86.868.114.129	-	-
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	(24.708.345.874)	(24.708.345.874)	-	-
- Giảm khác (*)	-	-	-	-	-	(797.993.543)	-	-	(98.569.736.894)	(99.367.730.437)	-	-
31/12/2016	82.500.000.000	278.962.752	-	-	(130.000)	3.631.861.880	-	-	(123.618.656.814)	(37.207.962.182)	-	-
01/01/2017	82.500.000.000	278.962.752	-	-	(130.000)	3.631.861.880	-	-	(123.618.656.814)	(37.207.962.182)	-	-
- Lỗ trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	(42.455.073.524)	(42.455.073.524)	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-	(200.000.000)	(200.000.000)	-	-
31/12/2017	82.500.000.000	278.962.752	-	-	(130.000)	3.631.861.880	-	-	(166.273.730.338)	(79.863.035.706)	-	-

(*) Giảm khác do điều chỉnh hồi tố các chi phí từ những năm trước chưa ghi nhận vào kết quả kinh doanh.

(**) Khoản lỗ sau thuế chưa phân phối lũy kế của Công ty đến ngày 31/12/2017 là 166.273.730.338 đồng đã vượt Vốn chủ sở hữu số tiền 79.863.035.706 đồng, và theo đánh giá của Ban lãnh đạo Công ty tại thuyết minh số 13 Công ty đang mất khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn, điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính của Công ty trình bày theo giá định hoạt động liên tục.

(***) Trong giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/10/2017 khoản lỗ của hai chi nhánh Hồ Chí Minh và Đà Nẵng lần lượt là 14.300.565.047 đồng và 4.193.724.409 đồng, và tại thuyết minh số 22 trong giai đoạn từ ngày 17/11/2017 đến ngày 31/12/2017 toàn bộ Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh của Chi nhánh Đà Nẵng là 597.814.546 đồng và Chi nhánh Hồ Chí Minh là 2.230.332.243 đồng chưa có phê duyệt của Chủ tịch HĐQT theo chỉ thị số 105-2017/NQ-HĐQT ban hành ngày 17/11/2017, toàn bộ chứng từ kế toán trong giai đoạn từ ngày 17/11/2017 đến ngày 31/12/2017 chưa có chữ ký của Kế toán trưởng và Giám đốc của hai chi nhánh. Trong các giai đoạn này có sự bàn giao giữa Ban lãnh đạo các Chi nhánh, Ban lãnh đạo cũ không báo cáo cho Ban lãnh đạo mới về các chi phí phát sinh dẫn đến các khoản lỗ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)****17.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	31/12/2017	
	VND	Tỷ lệ sở hữu
Bà Nguyễn Thị Hương	5.050.000.000	6,12%
Bà Bùi Thị Giang	4.048.500.000	4,91%
Ông Phạm Cao Bằng	4.046.010.000	4,90%
Bà Nguyễn Thị Hoạ	4.043.090.000	4,90%
Bà Văn Thị Xuân	4.042.500.000	4,90%
Ông Nguyễn Văn Châu	4.042.500.000	4,90%
Ông Nguyễn Việt Trung	4.042.500.000	4,90%
Ông Nguyễn Việt Kỳ	4.042.500.000	4,90%
Ông Lê Văn Năm	3.947.500.000	4,78%
Ông Lê Anh Tuấn	3.554.990.000	4,31%
Các cổ đông khác	41.639.780.000	50,47%
Cổ phiếu quỹ	130.000	0,00%
	82.500.000.000	100%

17.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU

	Năm 2017 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	82.500.000.000
+ Vốn góp đầu kỳ	82.500.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-
+ Vốn góp cuối kỳ	82.500.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-

17.4 CỔ PHIẾU

	31/12/2017	01/01/2017
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.250.000	8.250.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.250.000	8.250.000
+ Cổ phiếu phổ thông	8.250.000	8.250.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.250.000	8.250.000
+ Cổ phiếu phổ thông	8.250.000	8.250.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

17.5 CÁC QUỸ

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	3.631.861.880	3.631.861.880

18. DOANH THU BÁN HÀNG HÓA VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	176.215.146.858	263.413.656.453
- Doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm	176.215.146.858	263.413.656.453
- Doanh thu dịch vụ gia công	956.215.098	
	<u>177.171.361.956</u>	<u>263.413.656.453</u>

19. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Các khoản giảm trừ doanh thu	846.132.026	3.305.797.883
Trong đó:		
+ Chiết khấu thương mại	593.956.682	119.413.966
+ Giảm giá hàng bán	-	116.085.554
+ Hàng bán bị trả lại	252.175.344	3.070.298.363

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
- Giá vốn bán hàng hóa	127.531.294.196	194.039.515.216
- Giá vốn dịch vụ gia công	45.293.352	-
	<u>127.576.587.548</u>	<u>194.039.515.216</u>

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	61.562.859	7.573.762
- Lãi chênh lệch tỷ giá	252.861.748	490.117.071
	<u>314.424.607</u>	<u>497.690.833</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
- Chi phí lãi vay	21.657.847.540	9.209.072.871
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	40.682.538	3.482.446.458
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	1.976.537.985	-
	23.675.068.063	12.691.519.329

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	31.815.664.877	37.551.467.082
- Chi phí nhân viên quản lý	8.709.003.053	8.994.487.234
- Chi phí đồ dùng văn phòng	877.029.574	6.246.384.752
- Chi phí khấu hao TSCĐ	2.487.924.201	1.797.631.609
- Thuế, phí và lệ phí	798.155.299	1.121.122.137
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.280.774.560	6.909.007.223
- Chi phí dự phòng	9.947.556.127	802.089.928
- Chi phí bằng tiền khác	6.715.222.063	11.680.744.199
Các khoản chi phí bán hàng	36.130.897.563	45.000.638.859
- Chi phí nhân viên	3.273.993.194	4.222.009.705
- Chi phí nguyên vật liệu	30.000.000	-
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.402.560.279	1.378.105.449
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.396.452.295	31.014.697.130
- Chi phí bán hàng khác	12.027.891.795	8.385.826.575
	67.946.562.440	82.552.105.941

(*) Toàn bộ Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong giai đoạn từ ngày 17/11/2017 đến ngày 31/12/2017 của Chi nhánh Công ty cổ phần Thuốc Thú Y TWI tại Đà Nẵng số tiền: 597.814.546 đồng và Chi nhánh Công ty cổ phần Thuốc Thú Y TWI tại TP Hồ Chí Minh số tiền: 2.230.332.243 đồng chưa có phê duyệt của Chủ tịch HĐQT theo chỉ thị số 105-2017/NQ-HĐQT ban hành ngày 17/11/2017. Toàn bộ chứng từ kế toán trong giai đoạn từ ngày 17/11/2017 đến ngày 31/12/2017 chưa có chữ ký của Kế toán trưởng và Giám đốc của hai chi nhánh hoàn toàn chịu trách nhiệm về những chứng từ phát sinh trong giai đoạn này.

24. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
- Thu thanh lý tài sản cố định	5.415.583.878	-
- Thu nhập hàng thừa do kiểm kê	228.650.089	-
- Các khoản khác	657.441.414	279.957.364
	6.301.675.381	279.957.364

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

25. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
- Chi phí phạt chậm nộp Bảo hiểm	124.788.426	361.603.835
- Phạt vi phạm hợp đồng	16.886.979	-
- Chi phí khác	4.641.742.419	1.005.521.460
	4.783.417.824	1.367.125.295

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

QUẢN LÝ RỦI RO VỐN

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Tuy nhiên lỗ sau thuế chưa phân phối lũy kế của Công ty đến ngày 31/12/2017 là 166.273.730.338 đồng, đã vượt Vốn chủ sở hữu số tiền 79.863.035.706 đồng, điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về hoạt động liên tục của Công ty.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ phải trả (bao gồm các khoản vay, nợ như đã trình bày tại Bảng cân đối kế toán), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.10 - Công cụ tài chính.

	31/12/2017 VND	Giá trị ghi sổ 01/01/2017 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.902.612.784	8.523.439.449
Phải thu khách hàng và phải thu khác	15.780.377.961	25.201.602.782
Đầu tư dài hạn	1.809.802.015	3.786.340.000
	29.492.792.760	37.511.382.231
	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	168.226.295.437	153.530.707.703
Phải trả người bán và phải trả khác	57.377.560.980	80.181.969.483
Chi phí phải trả	4.279.878.840	8.931.227.950
	229.883.735.257	242.643.905.136
Trạng thái ròng	(200.390.942.498)	(205.132.522.905)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

CÁC LOẠI CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC (Thông tư 210) ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính về hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và vận hành các chính sách nhằm kiểm soát rủi ro (phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế ảnh hưởng của các rủi ro. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát rủi ro trong giới hạn chấp nhận được trong khi vẫn tối đa hoá lợi nhuận.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty không thực hiện các giao dịch có gốc ngoại tệ. Theo đó, Công ty sẽ không chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng phương pháp phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình. Ngoài ra, rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty quản lý rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn và các công cụ tài chính khác.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

RỦI RO TÍN DỤNG (TIẾP)

Phải thu khách hàng và phải thu khác

Mức độ rủi ro tín dụng của Công ty bị ảnh hưởng chủ yếu bởi các đặc điểm riêng biệt của từng khách hàng.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại lớn cụ thể đối với từng khách hàng và mức độ thiệt hại tổng thể của các nhóm tài sản tài chính tương tự, được xác định khi các rủi ro này có thể đã xảy ra nhưng chưa thực hiện. Mức độ thiệt hại tổng thể được xác định dựa trên đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Công ty trên cơ sở phân tích các thông tin sẵn có liên quan.

Các khoản đầu tư

Công ty giới hạn mức độ rủi ro tín dụng bằng cách chỉ đầu tư, cho vay với các chứng khoán có tính thanh khoản và với các đối tác có mức độ tín nhiệm cao. Ban Điều hành chủ động giám sát rủi ro tín dụng và không kỳ vọng các đối tác sẽ không thực hiện được các nghĩa vụ của họ.

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các khoản nợ phải trả tài chính theo thời hạn thanh toán. Số liệu được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả bao gồm gốc và lãi (nếu có).

